

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST

Ngày: 12-6-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình và ông Đỗ Thanh Đình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 111/2023/QĐST-DS ngày 25/5/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần L; địa chỉ trụ sở: Tòa nhà B, số 210 đường T, Quận H, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T; chức vụ: Quyền Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh N; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần L - Chi nhánh Q, (theo văn bản ủy quyền số 4076A/2023/QĐ-L ngày 17/3/2023); Địa chỉ chi nhánh: Số 316 đường T, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Lê Thanh N ủy quyền lại cho ông Lê Văn K; chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng – Ngân hàng TMCP L - Chi nhánh Q; Địa chỉ: Số 316 đường T, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (theo văn bản ủy quyền số 298A/2023/QĐ-LPB.DQ ngày 28/3/2023). Ông Khôi có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm: 1976 và ông Lê Văn T, sinh năm: 1973; cùng địa chỉ: Tổ 6, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Bà L có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần L (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 02/12/2021, bà Trần Thị L và ông Lê Văn T đã ký Hợp đồng tín dụng số: HDTD40020211194 với Ngân hàng thống nhất việc Ngân hàng cho bà Trần Thị L và ông Lê Văn T vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây: Số tiền đã nhận nợ: 100.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua sắm đồ dùng gia đình. Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày 03/12/2021 cho đến hết ngày 03/12/2025. Kỳ hạn trả gốc: Nợ gốc được trả vào ngày 15 hàng tháng, trả trong vòng 48 tháng, số tiền phải trả từ tháng thứ 01 đến tháng 47 là 2.090.000 đồng, số tiền phải trả tháng thứ 48 là 1.770.000 đồng. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là 15/01/2022. Kỳ hạn trả lãi: Lãi được trả cùng với kỳ trả nợ gốc. Lãi suất cho vay trong hạn hiện tại: 16%/năm áp dụng trong 03 tháng đầu tiên. Lãi suất cho vay được tính trên cơ sở một năm (365 ngày) và được dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng theo quy định Hợp đồng. Phương thức áp dụng điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức định kỳ thay đổi trong thời hạn cho vay, theo đó: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Theo đó, lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh được xác định như sau: Từ tháng thứ 4 trở đi, áp dụng lãi suất thả nổi và định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất cho vay được xác định bằng: Lãi suất cơ sở do Ngân hàng ban hành tại thời điểm áp dụng cộng (+) biên độ tối thiểu 8,1%/năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi quá hạn: 10%/năm. Bà Trần Thị L và ông Lê Văn T đã nhận nợ vay số tiền là: 100.000.000 đồng vào ngày 02/12/2021 theo Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ số HDTD40020211194.

Trong quá trình vay tiền, bà Trần Thị L, ông Lê Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD40020211194 ngày 02/12/2021. Tính đến hết ngày 12/6/2023, bà Trần Thị L, ông Lê Văn T còn nợ Ngân hàng số tiền là 100.273.581 đồng. Trong đó: nợ gốc: 85.370.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 890.216 đồng, nợ lãi quá hạn: 14.013.365 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả toàn bộ nợ gốc, lãi nêu trên cho Ngân hàng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2023 theo hợp đồng tín dụng số HDTD40020211194 ngày 02/12/2021 cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng.

** Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Bà Trần Thị L và ông Lê Văn T có ký kết hợp đồng tín dụng để vay tiền của Ngân hàng, với số tiền vay là 100.000.000 đồng, hình thức vay không có tài sản thế chấp. Bà L và ông T đã nhận đủ số tiền vay là 100.000.000 đồng vào ngày 02/12/2021. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, vì kinh tế quá khó khăn, buôn bán ế nên bà L và ông T không trả nợ đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bà T công nhận tính đến hết ngày 12/6/2023, bà còn nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng 100.273.581 đồng. Trong đó: nợ gốc: 85.370.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 890.216 đồng, nợ lãi quá hạn: 14.013.365 đồng và tiếp tục

trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2023 theo hợp thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng. Vì ông T không chịu trả nợ cùng với bà L, ông T cho rằng bà L vay cá nhân chỉ tiêu, không liên quan đến ông nên ông không đến Tòa án làm việc. Bà L đồng ý chỉ một mình bà L trả nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu ông T cùng trả nợ với bà L.

Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt 02 lần tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng có liên quan theo quy định của pháp luật để bị đơn biết nhưng bị đơn không có văn bản phản hồi ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng và thủ tục tố tụng của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Ngân hàng, bà L đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với ông T không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc, lãi như nguyên đơn yêu cầu. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L, ông Lê Văn T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký kết. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay của bị đơn ở Tổ 6, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần L là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng và bị đơn bà Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: HDTD40020211194 thống nhất việc Ngân hàng cho Bà Trần Thị L và ông Lê Văn T vay tiền theo nội dung thỏa thuận: Số tiền đã nhận nợ: 100.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua sắm đồ dùng gia đình. Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày 03/12/2021 cho đến hết ngày 03/12/2025. Kỳ hạn trả gốc: Nợ gốc được trả vào ngày 15 hàng tháng, trả trong vòng 48 tháng, số tiền phải trả từ tháng thứ 01 đến tháng 47 là 2.090.000 đồng, số tiền phải trả tháng thứ 48 là 1.770.000 đồng. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là 15/01/2022. Kỳ hạn trả lãi: Lãi được trả cùng với kỳ trả nợ gốc. Lãi suất cho vay trong hạn hiện tại: 16%/năm áp dụng trong 03 tháng đầu tiên. Lãi suất cho vay được tính trên cơ sở một năm (365 ngày) và được dùng để tính lãi tiền vay trả cho Ngân hàng theo quy định Hợp đồng. Phương thức áp dụng điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức định kỳ thay đổi trong thời hạn cho vay, theo đó: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Theo đó, lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh được xác định như sau: Từ tháng thứ 4 trở đi, áp dụng lãi suất thả nổi và định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất cho vay được xác định bằng: Lãi suất cơ sở do Ngân hàng ban hành tại thời điểm áp dụng cộng (+) biên độ tối thiểu 8,1%/năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi quá hạn: 10%/năm. Bà Trần Thị L và Ông Lê Văn T đã nhận nợ vay số tiền là: 100.000.000 đồng vào ngày 02/12/2021 theo Hợp đồng tín dụng số HDTD40020211194.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị L, ông Lê Văn T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L, ông T có nội dung Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên, nhưng chỉ có bà L có văn bản trình bày ý kiến thừa nhận khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà L có ý kiến vì ông T không chịu đến Tòa làm việc, nên bà đồng ý một mình bà trả nợ cho Ngân hàng, còn về phía Ngân hàng không đồng ý, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà L, ông T phải trả nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử, xét, hợp đồng tín dụng và nhận nợ bà L và ông T cùng ký nhận. Ông T không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập đương sự của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc Ngân hàng khởi kiện và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng đưa ra, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn và bị đơn đã nhận đủ tiền của số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng thể hiện tại khế ước nhận nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà L, ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc nhắc nợ quá hạn, đồng thời tạo điều kiện để bà L ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà L ông T vẫn không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng. Bà L, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 4, Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số: 440020211194 ngày 02/12/2021, là người có lỗi vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật.

Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 1, Điều 2 Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền tính đến hết ngày 12/6/2023 là 100.273.581 đồng. Trong đó: nợ gốc: 85.370.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 890.216 đồng, nợ lãi quá hạn: 14.013.365 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2023 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bị đơn phải trả nguyên đơn là: 5.014.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần L.

- Buộc bà Trần Thị L và ông Lê Văn T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L tính đến hết ngày ngày 12 tháng 6 năm 2023, tổng số tiền là 100.273.581 đồng. Trong đó: nợ gốc: 85.370.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 890.216 đồng, nợ lãi quá hạn: 14.013.365 đồng.

- Kể từ ngày 13/6/2023, bà Trần Thị L và ông Lê Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD40020211194 ngày 02/12/2021 hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

- Bà Trần Thị L và ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.014.000 đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L số tiền tạm ứng án phí 2.278.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003777 ngày 07-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa